

Bản án số: 44/2026/HS-PT

Ngày: 26-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Thẩm phán:

Ông Phan Thanh Hải

Ông Phùng Văn Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 225/2025/TLST-HS ngày 16/12/2025 đối với bị cáo Âu Ngọc V do có kháng cáo của bị cáo, của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2025/HS-ST ngày 03/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Âu Ngọc V, sinh năm 1968 tại Cà Mau; số CCCD: 095168000815, cấp ngày: 06/3/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Bộ C2; nơi cư trú: Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Âu Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; chồng tên Tạ Hoàng N1 và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

- Bị hại có kháng cáo, gồm có: Bà Phan Thị T, sinh năm 1961, số CCCD: 096161006550 và ông Hồng Quốc C, sinh năm 1960, số CCCD: 096060003620.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T và ông C: Bà Hồng Thị Kim L1, sinh ngày 12/10/1983, số CCCD: 096183001468 (Hợp đồng ủy quyền ngày 23 và ngày 26/01/2026). Bà L1 có mặt.

Cùng nơi cư trú: Khóm I, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo, gồm:

1. Ông Trần Hoàng A, sinh năm 198; Số CCCD: 096081013642 (có mặt).

2. Ông Trương Trần Hoàng A, sinh năm 1997; Số CCCD: 096097012676 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Khóm I, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau).

3. Ông Nguyễn Yến T1, sinh năm 1991; Số CCCD: 096091010368 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (không được Tòa án triệu tập): Ông Hồ Văn P.*

- *Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thu H và Luật sư Huỳnh Thị Vân A1 của Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Các Luật sư có mặt.*

Địa chỉ công ty: Số D, ngõ H, đường G, phường H, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 18/4/2021, Âu Ngọc V cùng với Trần Hoàng A, Trương Trần Hoàng A, Hồ Văn P và một số thanh niên khác đến tại phần đất tranh chấp với ông Hồng Quốc C và vợ là bà Phan Thị T (gọi chung là vợ chồng ông C) do vợ chồng ông C quản lý tại khóm I, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau). Tại đây, V chỉ đạo cho Trần Hoàng A, Trương Trần Hoàng A, Hồ Văn P và một số thanh niên khác chưa xác định được nhân thân thuộc nhóm của P, thực hiện việc cắt cây và đập phá công trình trên phần đất tranh chấp. Lúc này, gia đình ông C la lối yêu cầu dừng việc cắt cây, dừng việc đập phá nhưng V vẫn tiếp tục cho thực hiện cắt 03 cây Dừa và 02 cây Sao, đập gãy, cạy phá gây hư hỏng 02 trụ đá, 01 vách tường và 01 lối đi dài 57,3m.

Đến ngày 21/4/2021, V tiếp tục cho xe cuốc do Nguyễn Yến T1 điều khiển san lấp mặt bằng lối đi rồi cùng với Hồ Văn P và một số người khác chưa xác định được nhân thân, tiến hành cấm trụ bê tông trên lối đi đã đập phá vào ngày 18/4/2021.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 44/KL-HĐĐGTS ngày 15/6/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố C kết luận:

Thời điểm ngày 18/4/2021:

- 01 cây Dừa đường kính 0,32m, chiều dài 9,6m, có giá 700.000 đồng.
- 01 cây Dừa đường kính 0,6m, chiều dài 5,1m, có giá 700.000 đồng.
- 01 cây Dừa đường kính 0,36m, chiều dài 8,2m, có giá 700.000 đồng.
- 01 cây Sao đường kính 0,1m, chiều dài 5m, có giá 200.000 đồng.

Tổng cộng: 2.300.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 83/KL-HĐĐGTS ngày 28/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố C kết luận:

Tính vào thời điểm ngày 18/4/2021:

- 01 cây Sao đường kính 0,09m, chiều dài 4,8m, có giá 70.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐGTS ngày 12/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Cà Mau kết luận:

Giá trị thiệt hại tại thời điểm ngày 18/4/2021 của lối đi dài 57,3m, 02 trụ đá bê tông và 01 bức tường xây tường hợp tính thiệt hại cả số gạch còn nguyên vẹn là 33.402.000 đồng.

Tổng giá trị thiệt hại theo các kết luận định giá là: 35.772.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2025/HS-ST ngày 03/11/2025, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm i, v khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo V 06 tháng tù, cho hưởng án treo,

thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Hủy hoại tài sản”. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 35.772.000 đồng. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lỗi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/11/2025, bị cáo V kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 14/11/2025, bị hại gồm có ông C và bà T kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra giải quyết lại vụ án. Trường hợp không hủy án thì xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng không cho bị cáo được hưởng án treo và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Ngày 13 và ngày 14/11/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Yên T1, ông Trần Hoàng A và ông Trương Trần Hoàng A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần nhận định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2025/HS-ST ngày 03/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự của bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Vụ án có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (Tạm đình chỉ không có căn cứ; Biên bản khám nghiệm hiện trường có chỗ bị tẩy xóa, viết đề nhưng không có xác nhận của những người tham gia và ông C là bị hại nhưng lại ký ở mục chứng kiến trong biên bản khám nghiệm hiện trường; Bản ảnh hiện trường không thể hiện yếu tố kỹ thuật nên không đảm bảo giá trị pháp lý; Vi phạm thời hạn thông báo kết quả định giá); Chứng cứ thu thập chưa đầy đủ, không hợp pháp (Bị cáo chỉ thừa nhận cưa cắt 02 cây Dừa do ông nội bị cáo trồng trên phần đất đã có sổ chủ quyền và chỉ cạy phần lõi đi có lót đá tảng, nhưng số đá tảng bị cạy vẫn còn nguyên vẹn; Không đủ chứng cứ xác định bị cáo có hành vi cắt 02 cây Sao, đập phá toàn bộ lõi đi, 02 trụ đá và bức tường; Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm có 01 số người liên quan, người làm chứng có đơn trình bày ý kiến khác với lời khai trong quá trình điều tra; Việc định giá tài sản không đảm bảo tính khách quan, minh bạch (vi phạm quy trình, thủ tục và số lượng thành phần Hội đồng định giá)). Đề nghị tạm ngừng hoặc hoãn phiên tòa để triệu tập điều tra viên, thành viên Hội đồng định giá, người liên quan và người làm chứng để tham gia phiên tòa. Trường hợp tạm ngừng phiên tòa hoặc hoãn phiên tòa không được chấp nhận, thì đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2025/HS-ST ngày 03/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, giao hồ sơ về cho Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm để điều tra, giải quyết lại theo quy định.

- Người đại diện của bị hại trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của bị cáo và ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo, không đồng ý với kháng cáo của các ông Trần Hoàng A, Trương Trần Hoàng A và ông Nguyễn Yên T1. Đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra giải quyết lại vụ án, lý do: (1) Cấp sơ thẩm bỏ lọt người phạm tội

đối với Trần Hoàng A, Trương Trần Hoàng A, Nguyễn Yến T1, Hồ Văn P; (2) Bị cáo chỉ đạo cho những người này và nhiều người khác thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức quy định tại điểm a khoản 2 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Trường hợp không chấp nhận hủy án, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng: (1) Tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo V, không đồng ý cho bị cáo được hưởng án treo; (2) Buộc bị cáo V có trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế cho gia đình bị hại với tổng số tiền là 127.600.000 đồng.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đồng ý với ý kiến bào chữa của Luật sư, đề nghị hủy án sơ thẩm theo hướng bị cáo không phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trên cơ sở các biên bản, gồm: (1) Biên bản về việc cự cãi tranh chấp đất đai xảy ra tại khóm I, phường F, thành phố C do Công an phường 6, thành phố C lập lúc 10 giờ 40 phút ngày 18/4/2021 (bút lục 38-39); (2) Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Công an phường F, thành phố C lập lúc 16 giờ 15 phút ngày 19/4/2021 (bút lục 37); (3) Biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C lập lúc 14 giờ 30 phút ngày 20/4/2021, có đủ cơ sở xác định vào khoảng 09 giờ ngày 18/4/2021 tại phần đất thuộc khóm I, phường F, thành phố C (khu vực đất giáp ranh từ hàng rào nhà vợ chồng ông Hồng Quốc C đến hàng rào của Công ty Cổ phần C3), có xảy ra việc hủy hoại tài sản. Các tài sản bị hủy hoại, gồm: 03 cây Dừa bị cưa cắt gốc, 02 cây Sao bị cưa cắt gốc; 01 lối đi bị cạy phá có chiều dài 57,3m; đập phá làm hư hỏng 02 trụ đá và 01 bức tường. Các tài sản bị thiệt hại được liệt kê tại Biên bản khám nghiệm hiện trường (bút lục 123-138) phù hợp với Sơ đồ hiện trường (bút lục 125) và Bản ảnh hiện trường (bút lục 126-138) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C lập.

[2] Theo các kết quả định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 15/6/2022, số 83/KL-HĐĐGTS ngày 28/8/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố C và kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 12/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Cà Mau, xác định tổng giá trị thiệt hại của các tài sản nêu tại mục [1] nói trên là 35.772.000 (ba mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn) đồng (gồm trị giá của 03 cây D và 02 cây Sao là 2.370.000 đồng; trị giá lối đi, 02 trụ đá và bức tường là 33.402.000 đồng).

[3] Xác định người thực hiện hành vi hủy hoại tài sản:

[3.1] Tại lời khai ngày 11/10/2024 (bút lục 1071-1072), Hồ Văn P khai nhận: Ngày 18/4/2021, P được bị cáo V thuê đến phần đất cặp nhà ông C ở phường F, thành phố C. P thuê lại 04 người khác đi cùng, công việc là cạy phá 01 lối đi, đập 02 trụ bê tông và bức tường. Bị cáo V chuẩn bị búa và xà beng, còn bên phong chỉ mua 02 cây giá. Lối đi này dài khoảng 57,3m được làm nhiều đoạn, có lát gạch lát đường và cát đá, phía dưới gạch là xà bần. P cùng thợ cạy phá đường xong, thì thợ của P đập 02 trụ bê tông đã cũ và bức tường xây gạch ống đã cũ. Tất cả hư hỏng hoàn toàn.

[3.2] Theo Kết luận giám định số 453/KL-KTHS ngày 18/9/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh C xác định: (1) 03 tập tin video (do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C cung cấp (nguồn gốc 03 tập tin video do phía bị hại cung cấp chứa trong USB) không bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung; (2) Trong 03 tập tin video xác định được hành động của Âu Ngọc V và Trần Hoàng A tại nhiều thời điểm khác nhau được tổng hợp vào bản ảnh kèm theo; (3) Tiếng nói trong 03 đoạn ghi hình được trích xuất thành văn bản, chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo (bút lục 322-348).

[3.3] Qua nghiên cứu hình ảnh, nội dung, tiếng nói trong 03 đoạn ghi hình tại tiêu mục [3.2] nói trên và các tài liệu khác có trong hồ sơ (biên bản xác định hành vi của đối tượng qua Camera thu giữ (bút lục 101-108); biên bản lấy lời khai người liên quan, người làm chứng; biên bản xác minh; ý kiến của bị cáo tại Biên bản về việc cự cãi tranh chấp đất đai xảy ra tại khóm I, phường F, thành phố C do Công an phường 6, thành phố C lập lúc 10 giờ 40 phút ngày 18/4/2021), xác định vào ngày 18/4/2021 có sự tham gia của Trần Hoàng A, Trương Trần Hoàng A, Hồ Văn P và một số người khác chưa xác định được nhân thân trong việc cưa cây, cạy phá lối đi, trụ đá và bức tường. Ngày 21/4/2021 Nguyễn Yên T1 điều khiển xe cuốc san lấp và cấm trụ bê tông. Vào các thời điểm này, bị cáo V đều có mặt và có lời nói “Tao bảo đảm cho mấy thằng này không sao đâu”,... “Chú cứ ép đi, chú cứ ép cây đó trước đi”... Với các tình tiết này cho thấy, tuy bị cáo V không trực tiếp hủy hoại tài sản, nhưng bị cáo đã thuê và chỉ đạo việc cưa cắt cây, đập phá lối đi, trụ bê tông và bức tường.

[4] Xác định quyền sở hữu về các tài sản bị hủy hoại:

Vợ chồng ông Hồng Quốc C xác định các tài sản bị thiệt hại được nêu tại mục [1] nói trên là thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông. Ngược lại, bị cáo V cho rằng bị cáo chỉ kêu người cắt 02 cây dừa lão do ông bà bị cáo trồng vì sợ trái khô rơi trúng người gây nguy hiểm, bị cáo chỉ cạy lối đi để cho xe cuốc cấm trụ bê tông mục đích giữ đất không cho người khác tiếp tục lấn chiếm, các tài sản trên nằm ngoài hàng rào nhà gia đình bị hại, nằm trên phần đất gia đình bị cáo được cấp sổ chủ quyền. Trình bày của bị cáo không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ :

[4.1] Tại Công văn số 196/CV-UBND ngày 14/6/2023, Ủy ban nhân dân (UBND) phường F, thành phố C thể hiện: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSD đất) số CE 827547 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh C cấp cho bà T ngày 08/12/2016 và Bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH P2 lập ngày 02/6/2023, xác định:

(1) Vị trí tiếp giáp tường rào hiện hữu của bà Phan Thị T (là lối đi ra sau nhà bà Phan Thị T):

- Đoạn 1 (từ mé đường nhựa Lý Thường Kiệt trở vào 3.2m chiều ngang 2.0m) là phần đất do NN quản lý, NN thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thực hiện đầu tư Quốc lộ A;

- Đoạn 2 (tiếp giáp đoạn thứ nhất trở ra sau ngang 2.1m dài 1.8m): 01 phần đất do NN quản lý vì đã thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thực hiện đầu tư Quốc lộ A chiều ngang 2.1 chiều dài 0.05m; phần diện tích còn lại nằm trong chỉ giới đường đỏ, hiện nay do bà T quản lý, chưa được cấp giấy CNQSD đất;

- Đoạn thứ 3 (tiếp giáp đoạn thứ hai ra sau ngang 1.6m chiều dài 42.2m): Một phần đất có kích thước chiều ngang 1.6m chiều dài 15m nằm trong chỉ giới đường

đỏ và chỉ giới xây dựng, hiện nay do bà T quản lý, chưa được cấp giấy CNQSD đất; phần diện tích còn lại có chiều ngang 1.6m chiều dài 27.2m, bà T đã quản lý, sử dụng do Sở TN&MT tỉnh C cấp ngày 08/12/2016;

- Đoạn thứ 4 (tiếp giáp đoạn thứ 3 trở ra sau chiều ngang 1.6m chiều dài 10.1m): Hiện nay do hộ bà T đang quản lý, chưa được cấp giấy CNQSD đất. Thuộc thửa 171 tờ bản đồ số 19 (bản đồ năm 2009).

(2) Vị trí cây dừa 1, cây dừa 2, cây dừa 3, cây sao 1, cây sao 2, trụ đá 1, trụ đá 2, phần vách tường bị đập phá nằm trong phần đất bà T đang quản lý, sử dụng, chưa được cấp Giấy CNQSD đất. Thuộc thửa 171, tờ bản đồ số 19.

[4.2] Tại Thông báo số 0224/TB-UBND ngày 30/11/2025 của UBND tỉnh C thông báo kết quả kiểm tra nội dung phản ánh, kiến nghị của bà Âu Ngọc V, có nội dung như sau:

(1) Theo Mảnh trích đo địa chính do Công ty Trách nhiệm hữu hạn T5 bản đồ và Công nghệ GIS xác lập ngày 15/5/2024, được Sở T6 xác nhận ngày 17/5/2024, phần đất 5.508,1m² (đo đạc thực tế 4.630,5m², phần đất trống nằm giữa hàng rào của Công ty Cổ phần C3 và hàng rào nhà ông Hồng Quốc C và bà Phan Thị T) nằm trong diện tích 32.592m² mà Công ty V1 được UBND tỉnh M cấp 02 lô đất có tổng diện tích 33.000m² có nguồn gốc của ông Âu Văn T2 (ông nội bị cáo V) và ông Hồng Thiện N2 (cha bị hại Hồng Quốc C) và đã thực hiện bồi thường cho 02 hộ với diện tích 32.592m² (gồm ông Âu Văn T2 30.000m² vào năm 1980 và ông Hồng Thiện N2 2.592m² vào năm 1983).

(2) Phần đất gia đình bà Phan Thị T (vợ ông C) được cấp Giấy CNQSD đất và đang quản lý, sử dụng là nằm trong thửa đất số 241, tờ bản đồ số 13, diện tích 15.690m², do ông Âu Văn L kê khai trên mục kê, bản đồ đo đạc năm 1995. Tuy nhiên, theo quy định, mục kê, bản đồ chỉ là tài liệu tham khảo; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới có giá trị pháp lý. Thời điểm Công ty V1 bồi thường cho ông Hồng Thiện N2, gia đình ông N2 đã ở trên đất này trước năm 1983. Sau đó, gia đình ông N2 tiếp tục quản lý, sử dụng đất ổn định, không xảy ra tranh chấp. Mặt khác, theo Tờ di chúc do ông Âu Văn L lập năm 1995, thể hiện phần đất cho bà Âu Thị L2 giáp ranh đất bà Nguyễn Thị S (mẹ chồng bà Phan Thị T) và trong hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất cho bà Âu Thị L2 (năm 1998), bà Nguyễn Thị S là người ký giáp ranh hướng Tây. Như vậy, việc bà Âu Ngọc V cho rằng ông Hồng Thiện N2 chỉ có 01 công đất được ông Âu Văn T2 cho và Nhà nước đã thu hồi, không còn đất tại khóm I, phường F (nay phường T) là không có cơ sở.

(3) Đối với việc quản lý, sử dụng đất của hộ bà Phan Thị T được các cấp thẩm quyền cấp Giấy CNQSD đất, cụ thể như sau: Ngày 27/7/1993, bà Phan Thị T được UBND thị xã C cấp Giấy tác đất tác vàng số 8006 G.C.N- ĐĐ, diện tích 2.400m² (gồm: Thửa đất số 249, diện tích 500m², loại đất thổ cư; thửa đất số 249A, diện tích 500m², loại đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 250, diện tích 1.400m², loại đất trồng cây lâu năm). Ngày 18/01/1996, UBND tỉnh M cấp Giấy CNQSD đất cho bà Phan Thị T, số G 865090, thửa đất số 0001, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.345m², gồm: 300m² đất thổ cư và 1.045m² đất lập vườn. Ngày 08/12/2016, Sở T6 cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bà Phan Thị T, số CE 827547, thửa đất số 278, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.178,5m² (gồm: 300m² đất

ở và 878,5m2 đất trồng cây lâu năm). Quá trình cấp Giấy CNQSD đất, diễn biến diện tích, vị trí, ranh giới đất qua các lần cấp cần được tiếp tục làm rõ (và đã xác định có chồng lấn lên diện tích thửa đất do UBND phường T đang quản lý 5.372,1m2 (diện tích đo đạc thực tế 4.630,5m2). Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 05136/UBND-NC ngày 02/10/2025 chỉ đạo Thanh tra tỉnh thanh tra việc cấp Giấy CNQSD đất cho bà Phan Thị T qua các thời kỳ. Khi có kết luận thanh tra sẽ công khai theo quy định pháp luật.

[4.3] Đối với phần lối đi bị hủy hoại: Tại Lờ khai ngày 12/8/2024 (bút lục 945-946), ông Mã Tấn Đ xác định: Vào năm 2020, ông Hồng Quốc C có thuê ông Đ làm lối đi bên hông nhà phía bên phải nhìn từ nhà ra đường lộ, dài 57,3m, thời gian thi công khoảng 10 ngày xong. Lối đi làm bằng bê tông (đổ xi măng, cát) phía dưới, phía trên lát gạch (dạng gạch lát đường) và đá tảng bằng phẳng. Lối đi ngang từ 1,6m - 2,1m, dài 57,3m. Phía bên ông Đ chỉ làm công với giá 22 triệu đồng, vật liệu do phía ông C cung cấp. Quá trình thi công không có ai ngăn cản.

[4.4] Với các tình tiết được nêu tại các tiểu mục [4.1], [4.2] và [4.3] xác định các tài sản bị thiệt hại được nêu tại mục [1] thuộc quyền sở hữu của bên bị hại ông Hồng Quốc C và bà Phan Thị T.

[5] Việc hủy hoại tài sản của bị hại do Trần Hoàng A, Trương Trần Hoàng A, Hồ Văn P, Nguyễn Yến T1 và một số người khác thực hiện theo yêu cầu của bị cáo V. Trong đó, chỉ có Trần Hoàng A là tài xế và là cháu ruột của bị cáo, những người còn lại chỉ làm thuê được bị cáo trực tiếp hoặc gián tiếp trả tiền công. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C xác định bị cáo không tổ chức thực hiện hành vi phạm tội, vụ án không có đồng phạm là có căn cứ.

[6] Đối với các vi phạm trong quá trình điều tra vụ án được các Luật sư bào chữa cho bị cáo đặt ra không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không làm sai lệch bản chất vụ việc, nên việc tạm ngừng, hoãn phiên tòa để triệu tập điều tra viên, thành viên Hội đồng định giá, người làm chứng, người liên quan đến phiên tòa hoặc hủy án sơ thẩm để điều tra giải quyết lại vụ án là không cần thiết.

[7] Hoạt động tố tụng trong hồ sơ thể hiện:

[7.1] Ngày 24/6/2025, hồ sơ vụ án được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C chuyển về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C giải quyết theo thẩm quyền; Ngày 24/6/2025, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C Cao Minh T3 có Quyết định số 3328/QĐ-VPCQCSĐT phân công phó Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành điều tra vụ án hình sự. Ông T3 ký quyết định số 3328/QĐ-VPCQCSĐT là có căn cứ, phù hợp với Quyết định số 230/QĐ-VPCQCSĐT ngày 03/3/2025 của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C về việc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra. Theo Quyết định số 230/QĐ-VPCQCSĐT ngày 03/3/2025, ông T3 được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh, thời gian từ ngày 01/3/2025 đến ngày 31/12/2025.

[7.2] Sau khi có quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án và tạm đình chỉ điều tra bị can do yêu cầu định giá tài sản chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn điều tra, cơ quan điều tra có các văn bản yêu cầu, cung cấp thông tin phục vụ cho việc định giá tài sản là đúng quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-

VKSNDTC- ngày 01/6/2020 Quy định phối hợp thực hiện một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự về quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ.

[7.3] Do đó, việc bị cáo V cho rằng các hoạt động tố tụng nói trên trong quá trình điều tra vụ án vi phạm nghiêm trọng tố tụng hình sự là không có căn cứ.

[8] Xâu chuỗi các dữ liệu nói trên cho thấy Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau đã xét xử bị cáo V về tội “Hủy hoại tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan cho bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra, giải quyết lại không được chấp nhận.

[9] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo hủy hoại tài sản của bị hại vi phạm pháp luật hình sự, phạm tội phải bị xử lý và chịu hình phạt theo quy định.

[10] Xét kháng cáo của bị hại:

[10.1] Về phân trách nhiệm hình sự:

[10.1.1] Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét đầy đủ và toàn diện vụ án, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, gồm: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhiều thành tích trong sản xuất và công tác từ thiện (có 06 Bằng khen và 02 Giấy khen); Nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù, cho hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật về áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện. Sau khi xét xử sơ thẩm, phía bị hại kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm nhưng không được chấp nhận với các phân tích nêu tại mục [5] nói trên.

[10.1.2] Hành vi của bị cáo xuất phát từ mâu thuẫn tranh chấp đất đai giữa hai bên gia đình xảy ra từ lâu, chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết dứt điểm. Tuy vụ việc có đông người tham gia nhưng đều là người làm công được bị cáo trực tiếp thuê hoặc gián tiếp thuê, những người này không có tụ tập để hò hét, không gây náo loạn khu vực, không có hành vi bạo lực làm mất an ninh trật tự. Do đó, hành vi của bị cáo không có tính chất côn đồ. Do phía bị hại không cung cấp được tình tiết tăng nặng nào mới để xem xét tăng hình phạt, không cho bị cáo hưởng án treo, nên kháng cáo của bị hại về vấn đề này cũng không được chấp nhận.

[10.2] Về phân trách nhiệm dân sự:

Trên cơ sở kết quả định giá tài sản, cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo phải bồi thường cho phía bị hại tổng số tiền 35.772.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại về tài sản quy định tại các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, phía bị hại kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 127.600.000 đồng nhưng không cung cấp được hóa đơn, chứng từ chứng minh, nên không được chấp nhận.

[11] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[11.1] Đối với ông Trần Hoàng A:

Tại lời khai ngày 18/3/2023 (bút lục 77-78), ông Trần Hoàng A xác định: Vào khoảng 09 giờ ngày 18/4/2021, di ông A là Âu Ngọc V kêu ông chở đến khu vực đất tại khóm I, phường F, thành phố C (cạnh bên đất nhà ông C, bà T) để dọn dẹp phần đất này. Bà V nói phần đất này của ông cố để lại. Ông A chở bà V đến phần đất bằng xe

ô tô của bà V. Đến nơi, bà V kêu ông A lấy cửa trên xe xuống cửa cây, dọn dẹp đường vào phía sau cặp bên nhà vợ chồng ông C. Ông A mới lấy cửa xuống cửa cây Dừa. Do phía nhà ông C có người la lối, chọi đá, nên ông A bỏ cửa xuống. Những người đi chung với bà V tiếp tục cửa D và đập phá đường lát gạch vào phía sau nhà ông C. Ông A không biết tên những người này và địa chỉ ở đâu. Đến ngày 21/4/2021, bà V tiếp tục cho ông A hay đến phần đất. Lúc này, bà V có kêu xáng cuộc đến cuộc và cặm cọc bê tông.

[11.2] Đối với ông Trương Trần Hoàng A:

Tại lời khai ngày 23/6/2023 (bút lục 81-82), ông Trương Trần Hoàng A xác định: Vào khoảng 09 giờ ngày 18/4/2021, ông Trương Trần Hoàng A đang ở nhà thì gặp Trần Hoàng A nói bà V cần người cửa cây Dừa. Ông Trương Trần Hoàng A đồng ý nên đến cặp nhà vợ chồng ông C. Bà V nói cây Dừa của bà V. Bà V thuê ông Trương Trần Hoàng A cửa với giá 200.000 đồng. Ông Trương Trần Hoàng A đồng ý nên dùng cửa do bà V cung cấp cửa 02 cây Dừa. Do phía bên gia đình ông C chửi bới, nên ông Trương Trần Hoàng A không cửa nữa, nhận từ bà V 200.000 đồng đi về. Những người tiếp tục cửa cây Sao, đập phá trụ đá, đập phá lối đi là do bà V thuê và đi theo bà V. Nhóm này ông Trương Trần Hoàng A không biết, không có ở địa phương. Ông Trương Trần Hoàng A xác định nhóm này do bà V thuê.

[11.3] Đối với ông Nguyễn Yên T1:

Tại lời khai ngày 13/4/2023 (bút lục 83-84), ông T1 xác định vào khoảng tháng 4 năm 2021, ông T1 làm lái xe cuộc cho ông Nguyễn Hoàng K1 (Chủ Công ty X). Ông K1 nhận thi công san lấp mặt bằng và đóng cừ theo yêu cầu của bà V và Trần Hoàng A. Ông K1 kêu ông T1 lái xe để san lấp và cặm cừ theo yêu cầu của bà V và Trần Hoàng A. Ông T1 lái xe cuộc theo yêu cầu của bị cáo V và Hoàng A, chỉ gì làm đó.

[11.4] Qua lời khai của ông Trần Hoàng A, Trương Trần Hoàng A, Nguyễn Yên T1 nói trên và lời khai của ông Hồ Văn P (được nêu tại tiểu mục [3.1]) và xác định vai trò của bị cáo V thể hiện tại tiểu mục [3.3], cấp sơ thẩm nhận định: “Khoảng 09 giờ ngày 18/4/2021, tại khóm I, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau), bị cáo Âu Ngọc V chỉ đạo Trần Hoàng A; Trương Trần Hoàng A, Hồ Văn P và một số thanh niên khác cắt 03 cây dừa, 02 cây sao, đập 02 trụ bê tông, 01 vách tường và 01 lối đi dài 57,3m. Tiếp đến ngày 21/4/2021 bị cáo tiếp tục chỉ đạo cho Nguyễn Yên T1 điều khiển xe cuộc san lấp mặt bằng lối đi để cặm trụ bê tông ngay trên lối đi đã bị đập phá ngày 18/4/2021, gây thiệt hại toàn bộ các loại tài sản trên” là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm xác định vai trò của bị cáo V trong việc chỉ đạo những người liên quan thực hiện các hành vi cửa cắt cây, đập phá lối đi, đập phá trụ bê tông và đập phá vách tường. Hậu quả của hành vi hủy hoại tài sản là thiệt hại 03 cây dừa, 02 cây sao, đập 02 trụ bê tông, 01 vách tường và 01 lối đi dài 57,3m. Ngoài ra, phần quyết định của bản án sơ thẩm không làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền lợi hoặc nghĩa vụ của các ông Trần Hoàng A, Trương Trần Hoàng A và Nguyễn Yên P1. Do đó, những người này kháng cáo một phần nhận định của bản án sơ thẩm không được chấp nhận.

[12] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau được chấp nhận; Ý kiến của các Luật sư bào chữa cho bị cáo không được chấp nhận.

[13] Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thuộc trường hợp phải chịu án phí.

[14] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 178; điểm i, v khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của: (1) Bị cáo Âu Ngọc V; (2) Bị hại gồm bà Phan Thị T và ông Huỳnh Quốc C1; (3) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có các ông Trần Hoàng A, Trương Trần Hoàng A và Nguyễn Yến T1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2025/HS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau về phân hình phạt và trách nhiệm dân sự.

2. Xử phạt bị cáo Âu Ngọc V 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Hủy hoại tài sản”.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Cà Mau để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Buộc bị cáo Âu Ngọc V bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại bà Phan Thị T và ông Hồng Quốc C số tiền 35.772.000 (ba mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm và không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (gồm có các ông Trần Hoàng A, Trương Trần Hoàng A và Hồ Yến T4) không phải chịu án phí phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 1-CM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-CM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-CM;
- Công an xã Phong Thạnh, tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế